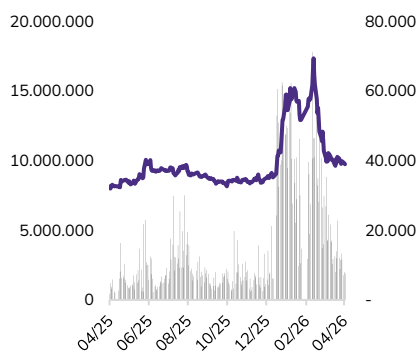


Lê Thị Kim Huê

 Email: hue.lethikim@abs.vn
THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Xăng dầu
Ngày báo cáo	: 28/04/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: 36.950
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 46.948
SLCPLH (CP)	: 1.270.592.235

DIỄN BIẾN GIÁ


Nguồn: FiinPro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2024	2025
Tăng trưởng DTT (%)	3,7%	9,1%
Tăng trưởng LNST (%)	2,0%	-7,4%
Biên LNG (%)	6,1%	5,8%
Biên LNST (%)	1,0%	0,9%
ROA (%)	3,6%	3,1%
ROE (%)	11,1%	10,2%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,61	0,63
EPS (VND/CP)	1.509	1.472
BVPS (VND/CP)	20.481	20.625

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Kế hoạch lợi nhuận năm 2026 sụt giảm trong bối cảnh rủi ro địa chính trị gia tăng, áp lực tác động từ xe điện tăng cao
Điểm chính của ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026

- KQKD 2025 – Doanh thu, lợi nhuận gộp lên cao nhất lịch sử nhưng LNST vẫn sụt giảm svck do các chi phí tăng cao:**
 - Năm 2025, doanh thu thuần (DTT) của PLX đạt 309.875 tỷ đồng (+9,1% svck), lợi nhuận gộp (LNG) đạt 18.113 tỷ đồng (+4,4% svck) nhưng biên LNG sụt giảm về còn 5,8% (-0,3 điểm % svck). Đây là mức DTT và LNG cao nhất lịch sử của PLX.
 - Các loại chi phí trong kỳ cũng tăng như chi phí bán hàng & QLDN, chi phí tài chính, đặc biệt là chi phí lãi vay. Do đó, LNTT & LNST cổ đông công ty mẹ lần lượt đạt 3.643 tỷ đồng (-8,3% svck) & 2.675 tỷ đồng (-7,4% svck), hoàn thành 125% kế hoạch DTT và 114% kế hoạch LNTT năm 2025.
 - Tình hình thị trường xăng dầu năm 2025: nguồn cung xăng dầu cho thị trường trong nước năm 2025 được đảm bảo, đáp ứng nhu cầu cho sản xuất kinh doanh và tiêu dùng của người dân. Tuy nhiên, thị trường xăng dầu nội địa chịu tác động lớn bởi giá xăng dầu thế giới với diễn biến khó đoán định, đặc biệt trong những tháng cuối năm giá xăng dầu thế giới liên tục biến động theo hướng giảm. Bên cạnh đó, xu hướng chuyển dịch xanh, sạch ngày càng rõ nét.
 - Tổng sản lượng xăng dầu hợp nhất đạt 17,7 triệu m³/tấn (+12,4% svck), hoàn thành 104,1% kế hoạch đề ra.
 - Năm 2025, giá trị thực hiện đầu tư toàn Tập đoàn đạt gần 3.200 tỷ đồng, tương đương 102% kế hoạch. Trong năm, hệ thống bán lẻ được tiếp tục mở rộng với 76 cửa hàng xăng dầu (CHXD) được phát triển mới, nâng tổng số CHXD của Tập đoàn lên 2.946 cửa hàng trên toàn quốc.
 - Trong năm, PLX cũng đã tham gia đấu thầu và trúng thầu 9 cặp trạm dừng nghỉ trên tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông, trong đó có một số dự án đã hoàn thành, bàn giao và đưa vào khai thác các hạng mục dịch vụ thiết yếu. Đáng chú ý, PLX đã thí điểm xây dựng mới, cải tạo tổng thể 12 CHXD theo mô hình trạm dịch vụ xe tải.
 - Triển khai chủ trương sắp xếp, tinh gọn bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, số lượng Công ty xăng dầu trong hệ thống đã giảm từ 51 xuống còn 34 công ty, sáp nhập Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex vào Công ty Mẹ, và thành lập Ban Điều độ tập trung (DOC), giảm 3 ban chức năng và giải thể một số đơn vị.

- **KQKD Q1/2026:**

- ✓ Hiện, PLX chưa công bố KQKD Q1/2026 nhưng Tập đoàn có khả năng lỗ 1.000 tỷ đồng từ mặt hàng xăng dầu do căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông khiến giá dầu biến động tăng giảm chưa từng có trong lịch sử, còn các mặt hàng khác thì vẫn làm rất tốt.

- **Kế hoạch kinh doanh năm 2026 thận trọng:**

- ✓ Xác định năm 2026 là năm có nhiều khó khăn, thách thức hơn thuận lợi, đặc biệt là áp lực về nguồn cung, giá cả và yêu cầu ngày càng cao đối với công tác quản trị doanh nghiệp, đồng thời là năm đầu của giai đoạn 2026 – 2030, PLX lên kế hoạch năm 2026 thận trọng, đặt trọng tâm vào chất lượng tăng trưởng, an toàn tài chính và phát triển bền vững, thay vì chạy theo mục tiêu ngắn hạn:

- Sản lượng xăng dầu xuất bán năm 2026 dự kiến đạt trên 19,4 triệu m3/tấn (+9,8% svck).
- DTT hợp nhất dự kiến đạt 315.000 tỷ đồng (+1,7% svck), LNTT năm 2026 dự kiến đạt 3.380 tỷ đồng (-7,2% svck).

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026 CỦA PLX

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2025	KH 2026	%YOY
Sản lượng xăng dầu xuất bán	m3/tấn	17.705.000	19.442.500	9,8%
DTT	tỷ đồng	309.875	315.000	1,7%
LNTT	tỷ đồng	3.643	3.380	-7,2%
Cổ tức bằng tiền	tỷ đồng	12,0%	10,0%	-16,7%

Nguồn: PLX, ABS Research

- **Về phương án phân phối lợi nhuận:**

- ✓ Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, ĐHCĐ thông qua phương án chia cổ tức bằng tiền tỷ lệ 12%, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 34,4 tỷ đồng (chiếm 1,7% LNST chưa phân phối cuối năm 2025), trích quỹ đầu tư phát triển 408,1 tỷ đồng (chiếm 20,7% LNST chưa phân phối cuối năm 2025).
- ✓ Về kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026, PLX dự định chia cổ tức bằng tiền tỷ lệ 10%.

Đánh giá của ABS Research:

Với việc bị lỗ khoảng 1.000 tỷ đồng từ mặt hàng xăng dầu trong Q1/2026, chúng tôi đánh giá kế hoạch kinh doanh năm 2026 mà PLX đưa ra gặp nhiều thách thức, nhất là trong bối cảnh giá dầu vẫn tiếp tục biến động khó lường do căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông. Tuy nhiên, bức tranh triển vọng nhìn chung mang tính đan xen giữa các yếu tố thuận lợi và khó khăn sau:

- **Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu tiếp tục ổn định:**

- ✓ Tăng trưởng kinh tế vẫn là động lực chính. Mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 ở mức 2 con số của Chính phủ sẽ kéo theo nhu cầu tiêu thụ xăng dầu gia tăng. Bên cạnh đó, hạ tầng cao tốc mới đi vào hoạt động cũng sẽ thúc đẩy nhu cầu. Theo Bộ Công Thương, ước tính sản lượng tiêu thụ xăng dầu trong nước đạt mức tăng trưởng 8%/năm trong 2-3 năm tới.
- ✓ Thị trường phân phối xăng dầu của Việt Nam dự báo tăng trưởng ổn định với tốc độ tăng trưởng kép CAGR trong giai đoạn 2022-2030 dự kiến chỉ đạt 4,3%/năm.

- **PLX dự kiến sẽ hưởng lợi nếu Dự thảo về kinh doanh xăng dầu được thông qua** do PLX có lợi thế về thương hiệu, quy mô (mạng lưới các CHXD rộng khắp cả nước), thị phần (chiếm 50% thị phần kinh doanh xăng dầu nội địa). Dự thảo đang được Bộ Công Thương nghiên cứu và trình duyệt với định hướng cơ chế điều hành giá xăng dầu mới sát với thực tế thị trường & minh bạch, phản ánh đúng chi phí vận tải, tỷ giá vào giá sẽ giúp biên lợi nhuận ổn định hơn.

- **Xăng sinh học E10 dự kiến được áp dụng trên toàn quốc từ giữa năm 2026 mở ra cơ hội cho PLX.**

- ✓ Theo quy định của Bộ Công Thương, từ ngày 01/06/2026, xăng không chì lưu thông trên toàn quốc phải được phối trộn thành xăng sinh học E10, trong khi xăng E5 RON92 tiếp tục được phép lưu hành đến hết năm 2030. Điều này đồng nghĩa với việc trong thời gian tới, phần lớn phương tiện giao thông tại Việt Nam ước tính khoảng 75 triệu xe máy và hơn 5,5 triệu ô tô sẽ từng bước chuyển sang sử dụng xăng sinh học.
- ✓ Với lợi thế sở hữu hệ thống phân phối lớn nhất thị trường cùng hạ tầng sẵn có, PLX đang chủ động triển khai nhanh việc phối trộn và phân phối E10, với 8 điểm phối trộn chính tổng công suất khoảng 5 triệu m³/tấn/năm, đủ đáp ứng nhu cầu nội bộ và hỗ trợ thị trường. Việc bắt đầu pha chế quy mô lớn từ cuối tháng 4/2026 và kế hoạch chuyển đổi toàn bộ hơn 2.800 cửa hàng trong thời gian ngắn cho thấy mức độ sẵn sàng cao.
- ✓ Đáng chú ý, sản phẩm E10 có giá thành cạnh tranh hơn, đồng thời được hưởng mức thuế tiêu thụ đặc biệt thấp hơn (7%), qua đó không chỉ thúc đẩy tiêu thụ mà còn tạo thêm giá trị gia tăng trong khâu phối trộn, hỗ trợ cải thiện biên lợi nhuận. Tuy nhiên, hiệu quả thực tế vẫn phụ thuộc vào diễn biến giá ethanol, cơ chế điều hành giá bán lẻ và mức độ chấp nhận của người tiêu dùng trong giai đoạn đầu, khiến tác động tích cực có thể mang tính từng bước thay vì ngay lập tức.
- **Tuy nhiên, PLX cũng phải đối mặt với một số rủi ro, thách thức như:**
- ✓ Biến động giá dầu do rủi ro địa chính trị tại Trung Đông. Triển vọng lợi nhuận của PLX phụ thuộc rất lớn vào sự biến động của giá dầu. Căng thẳng chiến sự Trung Đông khiến cho nguồn cung năng lượng toàn cầu bị gián đoạn do eo biển Homuz bị đóng cửa, từ đó làm giá xăng dầu tăng cao. Với vòng quay tồn kho ngắn (khoảng 18,5 ngày), lượng hàng tồn kho giá rẻ vào cuối năm 2025 cũng chỉ mang tính ngắn hạn và thực tế Q1/2026 mảng kinh doanh xăng dầu của PLX ước tính bị lỗ gần 1.000 tỷ đồng. Do đó, nếu chiến sự Trung Đông kéo dài, biên lợi nhuận của PLX có thể bị thu hẹp do nguồn cung dầu thô đầu vào bị hạn chế, từ đó ảnh hưởng tới tình hình sản xuất và phân phối xăng dầu trong nước, buộc PLX phải gia tăng nhập khẩu xăng dầu thành phẩm với chi phí cao, bên cạnh đó chi phí vận tải cũng tăng cao, gây áp lực lên biên lợi nhuận.
- ✓ Chủ trương hạn chế phương tiện sử dụng nhiên liệu hóa thạch tại các đô thị lớn như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh dự kiến triển khai từ sau năm 2027 có thể ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng tiêu thụ xăng dầu tại các khu vực có mật độ tiêu thụ cao nhất cả nước. Hiện hai đô thị này chiếm khoảng 30–35% tổng nhu cầu xăng dầu bán lẻ, nên bất kỳ chính sách hạn chế nào (thu phí khí thải, cấm xe xăng theo khu vực, mở rộng phố đi bộ...) đều có thể làm suy giảm sản lượng của PLX trong dài hạn.
- ✓ Xu hướng chuyển dịch sang xe điện và nhiên liệu xanh đang diễn ra rõ nét.
 - Theo Công ty nghiên cứu thị trường imarc, thị trường xe điện Việt Nam đang chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ với tỷ lệ tăng trưởng (CAGR) là 21,76% trong giai đoạn 2025–2033. Theo số liệu từ Hiệp hội Các nhà sản xuất xe máy Việt Nam, đến hết năm 2025, cả nước có khoảng 215.000 ô tô điện và gần 2,6 triệu xe máy điện. Theo Bộ Công Thương, số lượng xe điện tại Việt Nam có thể đạt 1–1,6 triệu xe ô tô điện & 8–13 triệu xe máy điện vào năm 2030. Bên cạnh đó, giá xe điện đang giảm nhanh (một số mẫu xe phổ thông đã xuống dưới 500–600 triệu đồng), trong khi hạ tầng trạm sạc được mở rộng mạnh với hàng chục nghìn cổng sạc trên toàn quốc. Khi các yếu tố này kết hợp với chính sách ưu đãi như miễn lệ phí trước bạ, ưu đãi thuế tiêu thụ đặc biệt..., tốc độ thay thế xe xăng có thể tăng nhanh hơn dự kiến. Điều này sẽ làm nhu cầu xăng dầu tăng trưởng chậm lại, thậm chí đạt đỉnh trong dài hạn, qua đó tạo áp lực lên sản lượng tiêu thụ và biên lợi nhuận của PLX.
 - Tuy nhiên, PLX định hướng không đứng ngoài xu thế mà chủ động thích ứng bằng cách tiếp tục củng cố mạng lưới bán lẻ cốt lõi gần 3.000 cửa hàng, đồng thời từng bước phát triển mô hình cửa hàng năng lượng tích hợp (bao gồm trạm sạc, dịch vụ tiện ích và nhiên liệu sạch). Đồng thời, PLX đang hợp tác với các đối tác quốc tế để nghiên cứu giải pháp dài hạn và dự kiến ra mắt công ty mới liên quan đến pin và xe điện trong tháng 05/2026, qua đó từng bước tham gia vào chuỗi giá trị năng lượng mới. Định hướng này cho thấy doanh nghiệp đang chuyển mình từ mô hình kinh doanh xăng dầu truyền thống sang doanh nghiệp năng lượng toàn diện, nhằm giảm thiểu rủi ro dài hạn và tận dụng cơ hội từ xu hướng chuyển dịch năng lượng.

- ✓ Rủi ro liên quan việc không đáp ứng đủ điều kiện để duy trì tư cách công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán. Theo quy định, một công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết được nắm giữ bởi ít nhất 100 nhà đầu tư không phải cổ đông lớn. Hiện nay, tổng tỷ lệ sở hữu của nhóm cổ đông này của PLX mới chỉ đạt hơn 9,4%. Do đó, PLX hiện chưa đáp ứng điều kiện công ty đại chúng và có 1 năm để khắc phục. Nếu sau thời gian này, PLX không nâng được tỷ lệ sở hữu của nhóm cổ đông nhỏ lẻ lên tối thiểu 10%, tập đoàn buộc phải gửi hồ sơ đề nghị UBCKNN xem xét hủy tư cách công ty đại chúng. Tuy nhiên, hiện PLX đã chủ động rà soát và định hướng các giải pháp cụ thể: 1) Triển khai phương án bán cổ phiếu quỹ để tăng tỷ lệ free-float trên thị trường; 2) Triển khai phương án thoái vốn, giảm tỷ lệ sở hữu của Nhà nước tại Petrolimex.
- Theo kế hoạch mà PLX đưa ra, LNTT năm 2026 dự kiến đạt 3.380 tỷ đồng (-7,2% svck), ABS Research ước tính EPS & BVPS 2026F dự kiến đạt 1.942 đ/cp & 21.367 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 20,24 và 1,84 lần tại mức giá hiện tại. ROE 2026F dự kiến đạt 9,1%.

PHỤ LỤC: MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA PLX

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
Doanh thu thuần	304.064	273.979	284.017	309.875
Giá vốn hàng bán	-291.744	-258.715	-266.666	-291.762
Lợi nhuận gộp	12.320	15.264	17.351	18.113
Doanh thu tài chính	1.949	2.743	1.635	1.822
Chi phí tài chính	-1.706	-1.723	-1.196	-1.274
Chi phí bán hàng	-10.500	-12.140	-13.518	-14.467
Chi phí QLDN	-823	-949	-1.041	-1.193
Lợi nhuận từ HĐKD	1.942	3.818	3.760	3.577
Lãi/Lỗ khác	328	129	212	67
Lợi nhuận trước thuế	2.270	3.947	3.972	3.643
Lợi nhuận sau thuế	1.902	3.077	3.161	3.027
LNST cổ đông Công ty mẹ	1.450	2.834	2.890	2.675

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
LCT thuần từ HĐKD	2.920	4.212	2.350	3.990
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	3.004	-7.075	2.551	-7.319
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	-2.706	4.245	-4.041	-929
LCT thuần trong kỳ	3.218	1.382	860	-4.258
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	6.192	11.606	14.048	14.933
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	11.606	14.048	14.933	10.676

Chỉ số tài chính	2022	2023	2024	2025
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	1,10	1,15	1,16	1,08
Khả năng thanh toán nhanh	0,69	0,84	0,83	0,80
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,41	0,62	0,59	0,52
Khả năng thanh toán lãi vay	4,52	5,39	7,99	5,56

Cơ cấu vốn	2022	2023	2024	2025
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,37	0,37	0,36	0,34
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,63	0,63	0,64	0,66
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,52	0,68	0,61	0,63

Chỉ số hiệu suất hoạt động	2022	2023	2024	2025
Số ngày phải thu	11,5	14,6	14,3	16,5
Số ngày phải trả	25,1	32,7	32,4	30,8
Số ngày tồn kho	19,0	22,5	20,7	18,5

Khả năng sinh lời	2022	2023	2024	2025
Tỷ suất lợi nhuận gộp	4,1%	5,6%	6,1%	5,8%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	0,6%	1,3%	1,2%	1,0%
Tỷ suất LNST	0,6%	1,1%	1,1%	1,0%
ROE	6,8%	10,8%	10,8%	10,3%
ROA	2,7%	4,0%	3,9%	3,6%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.606	14.048	14.933	10.676
+ Đầu tư ngắn hạn	7.098	16.496	15.109	17.857
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	12.674	10.975	12.465	15.970
+ Hàng tồn kho	17.232	14.640	15.673	13.862
+ Tài sản ngắn hạn khác	1.560	1.148	1.364	1.196
Tài sản ngắn hạn	50.170	57.307	59.544	59.561
+ Các khoản phải thu dài hạn	30	29	31	40
+ Tài sản cố định	14.284	13.655	13.586	14.486
+ Bất động sản đầu tư	121	116	108	103
+ Tài sản dở dang dài hạn	557	920	1.446	1.242
+ Đầu tư dài hạn	6.499	4.812	3.221	6.733
+ Tài sản dài hạn khác	2.815	2.837	3.340	3.690
Tài sản dài hạn	24.305	22.369	21.731	26.294
Tổng Tài sản	74.476	79.676	81.275	85.855
+ Vay ngắn hạn	13.590	19.135	17.385	18.085
+ Nợ ngắn hạn khác	32.105	30.525	33.795	37.269
Nợ ngắn hạn	45.695	49.661	51.180	55.354
+ Vay dài hạn	823	647	487	609
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	175	166	300	330
Nợ dài hạn	998	813	787	939
Tổng nợ phải trả	46.693	50.474	51.967	56.294
+ Vốn cổ phần	12.939	12.939	12.939	12.939
+ Thặng dư vốn cổ phần	7.359	7.359	7.359	7.359
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.706	4.195	3.929	4.004
+ Quỹ khác	4.779	4.710	5.081	5.260
Vốn chủ sở hữu	27.783	29.202	29.308	29.562
Tổng cộng nguồn vốn	74.476	79.676	81.275	85.855

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2022	2023	2024	2025
Tăng trưởng doanh thu	79,9%	-9,9%	3,7%	9,1%
Tăng trưởng LNST	-33,6%	66,3%	-6,3%	-2,2%
Tăng trưởng LNST	-39,1%	61,8%	2,7%	-4,3%
Tăng trưởng VCSH	-1,7%	5,1%	0,4%	0,9%
Tăng trưởng Tổng tài sản	14,9%	7,0%	2,0%	5,6%

Định giá (lần)	2022	2023	2024	2025
P/E	44,4	23,7	24,9	24,0
P/B	1,7	1,7	1,9	1,74
EPS	714	1.455	1.509	1.472
BVPS	18.930	20.048	20.112	20.254

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huệ - Phó Giám đốc TTPT

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn

Hàng và Dịch vụ công nghiệp

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminhh@abs.vn



Tạ Hòa
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỖI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây